

Số: 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 12 năm 2018

HƯỚNG DẪN

Thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hoá đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh);

Căn cứ Kết luận số 06/KL-HĐND ngày 25/10/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nghe giải trình về việc thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa từ năm 2016 đến hết tháng 6 năm 2018 trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 3478/UBND-NLN ngày 08/11/2018 về việc thực hiện Kết luận phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa từ năm 2016 đến hết tháng 6 năm 2018 trên địa bàn tỉnh.

Để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, liên ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư - Xây dựng - Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ LĨNH VỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA ĐƯỢC HỖ TRỢ

1. Đối tượng được hỗ trợ

Hộ gia đình, nhóm hộ gia đình (đối với những hộ vay vốn để nuôi cá tại ao hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP), cá nhân (sau đây gọi chung là hộ gia đình), doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là tổ chức) tổ chức sản xuất hàng hóa một số loại cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, lợi thế theo khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh theo các đề án, kế hoạch sản xuất hàng hóa được phê duyệt, gồm: Đề án phát triển cây cam; Đề án phát triển cây chè đặc sản; Đề án phát triển vùng nguyên liệu mía đường; Kế hoạch phát triển đàn trâu sinh sản; Kế hoạch phát triển cá đặc sản nuôi trong lồng trên sông, hồ và mô hình nuôi cá trong ao hồ nhỏ theo Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (gọi là VietGAP).

2. Lĩnh vực sản xuất hàng hóa được hỗ trợ

2.1. Hỗ trợ lãi suất vay vốn (hỗ trợ lãi suất 01 lần):

a) Cây chè đặc sản (chè đặc sản là các loài: Shan tuyết, Kim tuyên, Phúc vân tiên): Đầu tư trồng mới, đầu tư chăm sóc, đầu tư chế biến sản phẩm.

b) Cây mía: Đầu tư trồng mới.

c) Cây cam sành: Đầu tư xây dựng vườn ươm sản xuất giống; đầu tư xây dựng kho lạnh bảo quản cam quả; đầu tư trồng mới, trồng lại; đầu tư chăm sóc.

d) Con trâu: Đầu tư nuôi trâu sinh sản; đầu tư nuôi trâu đực giống.

đ) Con cá đặc sản (cá đặc sản là các loài: cá Chiên, cá Lăng Chám, cá Bống, cá Dầm Xanh, cá Anh Vũ, cá Tầm): Đầu tư nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi; đầu tư nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP.

2.2. Chính sách hỗ trợ đầu tư:

a) Cây chè đặc sản: Hỗ trợ bình tuyến cây đầu dòng; hỗ trợ xây dựng vườn ươm giống; hỗ trợ đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

b) Cây cam sành: Hỗ trợ xây dựng vườn ươm giống; hỗ trợ đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

c) Con cá nuôi tại ao, hồ nhỏ: Hỗ trợ đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

d) Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp được quy định tại khoản 1 (**Phạm vi điều chỉnh**), Điều 1, Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Điều kiện được hỗ trợ, mức cho vay có hỗ trợ lãi suất, mức hỗ trợ, thời gian được hỗ trợ lãi suất tiền vay: Theo nội dung tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG CHUNG

1. Các khoản hỗ trợ lãi suất tiền vay, hỗ trợ chi phí đầu tư sản xuất hàng hóa theo cơ chế, chính sách của tỉnh được chi trực tiếp cho các đối tượng được thụ hưởng, “Mỗi Quý hỗ trợ 01 lần”.

2. Tổ chức, hộ gia đình phải sử dụng vốn vay, vốn hỗ trợ đầu tư đúng mục đích; trả nợ gốc và lãi tiền vay đầy đủ, đúng quy định của ngân hàng; chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.

Không hỗ trợ lãi suất tiền vay cho những hộ vay vốn không sử dụng vốn đúng mục đích, có nợ quá hạn phát sinh từ khoản vay, không đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

3. Những nội dung hỗ trợ không nêu trong hướng dẫn này được thực hiện theo các chính sách hiện hành của nhà nước.

4. Trong trường hợp cùng thời gian, một số cây trồng, vật nuôi có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì tổ chức, hộ gia đình được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

5. Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay cho người vay vốn: *Trồng mới, chăm sóc chè; mua máy sao chè; đầu tư giống để trồng mới cây mía đường; trồng mới, trồng lại, chăm sóc Cam Sành; chăn nuôi trâu sinh sản, trâu đực giống; nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi; nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo VietGAP* được thực hiện theo hình thức **đồng thời với quá trình đầu tư**.

Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay cho người vay vốn để đầu tư xây dựng: *Cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi; xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam; Hỗ trợ chi phí: bình tuyển cây chè đặc sản đầu dòng; đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất chè đặc sản, Cam Sành, nuôi cá theo VietGAP; xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng, xúc tiến thương mại, quảng bá đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp* được thực hiện theo hình thức **sau đầu tư**.

Đối với các khoản hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình: *Vườn cây chè đặc sản đầu dòng; vườn ươm sản xuất giống cây chè đặc sản; vườn ươm cây giống cây Cam Sành sạch bệnh do huyện Hàm Yên thực hiện*, được thực hiện theo các Quy định về Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

6. Việc cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay và hỗ trợ đầu tư được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

7. Trong hướng dẫn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

7.1. *Định mức cho vay* là mức chi phí trên đơn vị đầu tư (*ha, lồng cá, m² đầu tư xây dựng...*) dùng để tính toán số vốn vay khi lập, thẩm định, xét duyệt hồ sơ vay vốn.

7.2. Mức cho vay có hỗ trợ lãi suất là số tiền vay của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong khoảng định mức cho vay tối đa được hỗ trợ lãi suất tiền vay theo Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND.

Ngoài mức cho vay có hỗ trợ lãi suất, tổ chức, hộ gia đình có thể thỏa thuận với ngân hàng theo quy định để vay số tiền cao hơn mức cho vay có hỗ trợ lãi suất, Tỉnh không hỗ trợ lãi suất phần vay cao hơn "*mức cho vay có hỗ trợ lãi suất*" nêu tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND.

7.3. *Hộ nghèo, hộ cận nghèo* là hộ có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã, phường, thị trấn được Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn xác nhận. *Hộ khác* là hộ không phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo.

7.4. Người (tổ chức) *ngoài tỉnh* là người (tổ chức) có hộ khẩu thường trú (trụ sở chính) ở ngoài tỉnh nhưng thực hiện vay vốn tại các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ GIAO DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ SẢN XUẤT HÀNG HÓA HÀNG NĂM

Việc xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ sản xuất hàng hóa được thực hiện cùng với kỳ xây dựng dự toán ngân sách hàng năm; trình tự lập, giao dự toán ngân sách phải được thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

1. Căn cứ lập kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ

- Căn cứ quy định và mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Các Đề án, Kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh: Đề án phát triển cây cam; Đề án phát triển cây chè đặc sản; Đề án phát triển vùng nguyên liệu mía đường; Kế hoạch phát triển đàn trâu sinh sản; Kế hoạch phát triển cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ và mô hình nuôi cá trong ao hồ nhỏ theo VietGAP.

2. Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ sản xuất hàng hóa hàng năm

- Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã*) cùng với việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm trước, kết quả và khả năng thực hiện đề án, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa trên địa bàn để xây dựng kế hoạch, dự toán hỗ trợ lãi suất tiền vay, hỗ trợ đầu tư sản xuất hàng hóa (*sau đây gọi chung là kinh phí hỗ trợ sản xuất hàng hóa*) cùng với kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm, trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (*sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) xem xét, tổng hợp.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các Đề án, Kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa, khả năng thực hiện của địa phương và xem xét kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã để xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm, gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, giao kinh phí hỗ trợ sản xuất hàng hóa cho Ủy ban nhân dân cấp huyện cùng với kỳ giao dự toán ngân sách hàng năm.

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHO VAY VÀ HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Trình tự, thủ tục xét duyệt cho vay có hỗ trợ lãi suất

1.1. Thủ tục xét duyệt cho vay vốn: Trồng mới, chăm sóc chè; mua máy sao chè; đầu tư giống để trồng mới cây mía đường; trồng mới, trồng lại, chăm sóc

Cam Sành; chăn nuôi trâu sinh sản, trâu đực giống; nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi; nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo VietGAP.

a) Người vay vốn lập Bản đăng ký nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay (theo mẫu số 01-ĐK kèm theo hướng dẫn này) có xác nhận của Trưởng thôn, bản (sau đây gọi tắt là thôn) hoặc tổ trưởng Tổ vay vốn hoặc Tổ tiết kiệm và vay vốn. Trưởng thôn và từng tổ có trách nhiệm tổng hợp bản đăng ký nhu cầu vay vốn và chuyển đến bộ phận giao dịch "một cửa" của Ủy ban nhân dân cấp xã.

(Kèm theo bản đăng ký có bản sao công chứng hoặc chứng thực các giấy tờ về đất, hoặc văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nêu tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND nếu xin vay vốn để trồng mới chè đặc sản, Cam sành).

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận bản đăng ký của các hộ; định kỳ ngày 15 hằng tháng, tổng hợp danh sách người đăng ký vay, ghi rõ địa chỉ, số tiền đăng ký vay, thời gian vay, mục đích vay (nêu rõ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khác, theo mẫu số 02-THĐK ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh) gửi Ủy ban nhân dân huyện (qua bộ phận "một cửa").

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định các đối tượng có nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi suất. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách lĩnh vực nông lâm nghiệp; Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế); Ủy viên Hội đồng là Trưởng các Phòng, Ban chuyên môn có liên quan và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, Ngân hàng Chính sách Xã hội trên địa bàn huyện (thành phố). Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định đối tượng, nhu cầu vay vốn có hỗ trợ lãi suất, Phòng Nông nghiệp và PTNT căn cứ vào biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định, lập Tờ trình trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách các đối tượng đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất theo quy định (tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh). Thời gian thẩm định và Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Danh sách đăng ký vay vốn do Ủy ban nhân dân cấp xã trình. Sau khi có Quyết định phê duyệt danh sách, Ủy ban nhân dân huyện gửi danh sách cho Ủy ban nhân dân cấp xã để niêm yết công khai danh sách các đối tượng đủ điều kiện vay vốn có hỗ trợ lãi suất (thời gian niêm yết trong 05 ngày làm việc); đồng thời gửi danh sách cho các Ngân hàng trên địa bàn có khách hàng xin vay vốn để xem xét cho vay.

d) Căn cứ danh sách do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đến, các Ngân hàng (hoặc tổ trưởng Tổ liên kết, Tổ vay vốn, Tổ tiết kiệm và vay vốn) hướng dẫn người vay vốn lập hồ sơ vay vốn, tiến hành thẩm định và giải ngân cho vay theo quy định hiện hành; gửi danh sách các hộ được vay vốn có hỗ trợ lãi suất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi và phục vụ kiểm tra việc sử dụng vốn vay (định kỳ gửi danh sách 01 tháng 01 lần vào ngày mùng 5 của tháng kế tiếp).

1.2. Thủ tục vay vốn đầu tư xây dựng: *Xây dựng vườn ươm giống Cam sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam; xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi*

a) Người vay vốn có đơn (theo mẫu số 03-ĐK kèm theo hướng dẫn này) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để đăng ký đầu tư xây dựng công trình bằng nguồn vốn vay có hỗ trợ lãi suất.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các phòng chuyên môn căn cứ Đề án phát triển vùng sản xuất Cam sành, kế hoạch vốn được giao kiểm tra, xác định đúng đối tượng được vay vốn có hỗ trợ lãi suất tiền vay, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời (đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện) cho người đề nghị được vay vốn có hỗ trợ lãi suất để đầu tư xây dựng công trình (trong thời gian 7 ngày làm việc). Trường hợp không đủ điều kiện cần nêu rõ lý do.

c) Sau khi nhận được văn bản trả lời đủ điều kiện được vay vốn có hỗ trợ lãi suất để đầu tư xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện; người vay vốn có trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện hồ sơ xin chủ trương xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt dự án (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật); trình tự, thủ tục thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Sau khi dự án được phê duyệt, người vay vốn thực hiện giao dịch trực tiếp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để làm thủ tục vay vốn theo quy định của ngân hàng.

e) Các nội dung khác:

- Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) để thực hiện quy hoạch, việc cấp giấy phép xây dựng (xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam) thực hiện theo quy định hiện hành.

- Việc tổ chức thi công và quản lý chất lượng: Người vay vốn tự tổ chức hoặc thuê đơn vị, cá nhân đủ năng lực để thi công và quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định.

f) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn người vay vốn lập hồ sơ vay vốn theo quy định của ngành Ngân hàng, thẩm định hồ sơ vay vốn, quyết định việc cho vay và gửi thông báo việc cho vay, danh sách người được vay vốn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (thời gian thực hiện trong 10 ngày làm việc) thực hiện giải ngân cho vay vốn và kiểm tra việc sử dụng vốn vay theo đúng quy định.

g) Người vay vốn ở **ngoài tỉnh** có nhu cầu được hưởng chính sách vay vốn có hỗ trợ lãi suất để đầu tư xây dựng vườn ươm giống Cam sành sạch bệnh, xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam: Thực hiện các thủ tục như các tiết trên tại điểm 1.2 khoản 1 mục này và gửi kết quả vay vốn về Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện đầu tư xây dựng (bản sao công chứng hoặc chứng thực bộ hồ sơ vay vốn và trình bản gốc qua Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

kiểm tra, đối chiếu và xác nhận) để thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay sau khi đã hoàn thành đầu tư xây dựng, đưa công trình vào sử dụng.

2. Trình tự, thủ tục hỗ trợ lãi suất tiền vay

2.1. Đối với người vay vốn: Trồng mới, chăm sóc chè; mua máy sao chè; đầu tư giống để trồng mới cây mía đường; trồng mới, trồng lại, chăm sóc Cam Sành; chăn nuôi trâu sinh sản, trâu đực giống; nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi; nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo VietGAP:

a) Định kỳ hằng quý (ngày mùng 5 của tháng đầu Quý sau), các Ngân hàng lập bảng kê chi tiết danh sách tổ chức, cá nhân vay vốn, ngày vay, số tiền đã cho vay (tổng hợp số tiền cho vay lũy kế từ khi thực hiện đến thời điểm báo cáo cuối quý, số tiền cho vay trong kỳ, tổng số tiền cần hỗ trợ lãi suất lũy kế và trong kỳ báo cáo; phân loại theo hộ nghèo, hộ cận nghèo (đối với Ngân hàng CSXH); kèm văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để làm cơ sở thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Giao Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Ngân hàng và các tổ chức Hội có liên quan kiểm tra việc sử dụng số vốn vay, mức độ đầu tư của vốn vay được hỗ trợ lãi suất; trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay (thời gian thực hiện trong 07 ngày làm việc).

- Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định kết quả kiểm tra việc sử dụng vốn vay của Ủy ban nhân dân cấp xã và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay (thời gian thực hiện trong 05 ngày làm việc).

- Chuyển kinh phí hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện (trong 07 ngày làm việc sau khi có quyết định phê duyệt); kèm theo Quyết định gồm: Danh sách phê duyệt kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay của Ủy ban nhân dân huyện, bảng kê số tiền cho vay, số tiền vay sử dụng đúng mục đích được hỗ trợ lãi suất, số lãi suất tiền vay phải trả chi tiết đến từng đối tượng (phân loại theo hộ nghèo, hộ cận nghèo).

c) Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quyết định hỗ trợ lãi suất tiền vay của Ủy ban nhân dân cấp huyện chi trả tiền hỗ trợ lãi suất cho người vay vốn (thực hiện trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay).

2.2. Đối với người vay vốn để đầu tư xây dựng: Cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi; xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam.

a) Sau khi thực hiện hoàn thành thi công xây dựng, người vay vốn lập báo cáo hoàn thành thi công xây dựng (Theo mẫu 04-BC kèm theo Hướng dẫn này) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có công trình, dự án đầu tư xây dựng nêu trên. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của người vay vốn, Ủy ban nhân dân huyện chủ trì và mời Sở

quản lý xây dựng chuyên ngành, các cơ quan chuyên môn liên quan kiểm tra sự phù hợp về quy mô, hình thức, kết cấu công trình so với đồ án thiết kế đã được phê duyệt. Nội dung kiểm tra được lập bằng biên bản (Theo mẫu 05-BB kèm theo Hướng dẫn này).

b) Qua kiểm tra nếu công trình thi công đảm bảo yêu cầu, thì người vay vốn được đưa công trình vào hoạt động và lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay. Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Tài chính-Kế hoạch tiếp nhận hồ sơ (03 bộ) đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

Trong trường hợp công trình thi công chưa đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu người đầu tư hoàn thiện và chỉ thanh toán **lần đầu** tiền hỗ trợ lãi suất cho người đầu tư **sau khi nghiệm thu đưa công trình vào hoạt động**.

- Hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ lãi suất tiền vay gồm:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu 06- ĐN kèm theo hướng dẫn này).

+ Biên bản kiểm tra hoàn thành thi công công trình.

+ Văn bản xác nhận của Ngân hàng về ngày vay, số tiền vay, dư nợ, mục đích vay, số tiền lãi đã thu, trong đó số tiền lãi đã thu được hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng cho vay đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ Giao Phòng Tài chính-Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế hạ tầng... kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; căn cứ kết quả đầu tư của người vay vốn xác định số vốn vay sử dụng đúng mục đích được hỗ trợ lãi suất; trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ lãi suất tiền vay (thời gian thực hiện trong 05 ngày làm việc).

+ Căn cứ quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính-Kế hoạch sẽ trực tiếp thực hiện chi trả tiền hỗ trợ lãi suất cho người được hỗ trợ (thực hiện trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kinh phí).

- **Thời gian thanh toán tiền hỗ trợ lãi suất lần tiếp theo:** Mỗi Quý một lần, vào tháng đầu của Quý tiếp theo, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất và giao Phòng Tài chính-Kế hoạch sẽ trực tiếp thực hiện chi trả tiền hỗ trợ lãi suất cho người được hỗ trợ (trong 07 ngày làm việc).

- Hồ sơ đề nghị thanh toán lần tiếp theo gồm:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu 07-ĐN kèm theo hướng dẫn này).

+ Văn bản xác nhận của Ngân hàng về ngày vay, số tiền vay, dư nợ, mục đích vay, số tiền lãi đã thu, trong đó số tiền lãi đã thu được hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng cho vay đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

Trình tự như tiết a, b khoản 2.2 mục 2 phần IV.

3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ đầu tư

3.1. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình: Vườn cây chè đặc sản đầu dòng; vườn ương sản xuất giống cây chè đặc sản; vườn ương cây giống cây Cam Sành sạch bệnh do huyện Hàm Yên thực hiện.

a) Tổ chức, hộ gia đình có đơn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để đăng ký đầu tư xây dựng công trình bằng nguồn vốn hỗ trợ.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các phòng chuyên môn kiểm tra, xác định đúng đối tượng được hỗ trợ đảm bảo phù hợp với quy hoạch, đề án phát triển sản xuất hàng hóa cây trồng trên địa bàn, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời (đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện) cho người đề nghị được hỗ trợ để đầu tư xây dựng công trình (trong thời gian 7 ngày làm việc). Trường hợp không đủ điều kiện cần nêu rõ lý do.

c) Sau khi nhận được văn bản trả lời đủ điều kiện được hỗ trợ để đầu tư xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện; tổ chức, hộ gia đình có trách nhiệm xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt dự án; trình tự, thủ tục thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Sau khi thực hiện hoàn thành dự án, tổ chức, hộ gia đình lập báo cáo hoàn thành thi công xây dựng (Theo mẫu 04-BC kèm theo Hướng dẫn này) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có công trình, dự án đầu tư xây dựng nêu trên. Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của tổ chức, hộ gia đình, Ủy ban nhân dân huyện chủ trì và mời Sở quản lý xây dựng chuyên ngành, các cơ quan chuyên môn liên quan kiểm tra sự phù hợp về quy mô, hình thức, kết cấu công trình so với đồ án thiết kế đã được phê duyệt. Nội dung kiểm tra được lập bằng biên bản (Theo mẫu 05-BB kèm theo Hướng dẫn này).

e) Qua kiểm tra nếu công trình thi công đảm bảo yêu cầu, thì người đầu tư được đưa công trình vào hoạt động và lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư. Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Tài chính-Kế hoạch tiếp nhận hồ sơ (03 bộ) đề nghị hỗ trợ, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

Trong trường hợp công trình thi công chưa đạt yêu cầu, Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu người đầu tư hoàn thiện và chỉ thanh toán tiền hỗ trợ cho người đầu tư **sau khi nghiệm thu đưa công trình vào hoạt động.**

- Hồ sơ đề nghị thanh toán tiền hỗ trợ gồm:

+ Đơn đề nghị (theo mẫu 06- ĐN kèm theo hướng dẫn này).

+ Biên bản kiểm tra hoàn thành thi công công trình.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ Giao Phòng Tài chính-Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế hạ tầng... kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; căn cứ kết quả đầu tư của tổ chức, hộ gia đình; trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ (thời gian thực hiện trong 05 ngày làm việc).

+ Căn cứ quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính-Kế hoạch sẽ trực tiếp thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho người được hỗ trợ (thực hiện trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kinh phí).

3.2. Hỗ trợ chi phí: Bình tuyển cây chè đặc sản đầu dòng; đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất chè đặc sản, Cam sành, nuôi cá theo VietGAP; xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng, xúc tiến thương mại, quảng bá đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp được quy định trong Nghị quyết.

3.2.1. Thẩm định, phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ

a) Tổ chức, hộ gia đình lập và gửi 03 bộ hồ sơ, gồm có: Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí (theo mẫu số 08-HTCP kèm theo hướng dẫn này; kèm theo đơn là dự toán các khoản chi phí), nêu rõ quy mô, địa điểm thực hiện và dự toán tổng kinh phí đầu tư, kinh phí xin hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện qua bộ phận giao dịch “một cửa”.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ dự toán ngân sách hỗ trợ đầu tư sản xuất hàng hóa được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm, căn cứ đề án, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa cây trồng trên địa bàn, căn cứ điều kiện được hỗ trợ theo cơ chế, chính sách của tỉnh để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự toán hỗ trợ chi phí (thời gian thực hiện trong 07 ngày làm việc).

3.2.2. Lập hồ sơ đề nghị thanh toán hỗ trợ

Tổ chức, hộ gia đình sau khi hoàn thành nội dung công việc, đã được ủy ban nhân dân huyện phê duyệt dự toán ở phần trên, lập và gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Tài chính – Kế hoạch); hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí (theo mẫu số: 09-TTCP kèm theo hướng dẫn này).
- Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Bản sao công chứng hoặc chứng thực các giấy chứng nhận liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ, như: Cây đầu dòng; chứng nhận nhãn hiệu sản phẩm; chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hoá; chứng nhận VietGAP, bản xác nhận (hoặc hợp đồng) thuê gian hàng...

3.2.3. Cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ

- Ủy ban nhân dân cấp huyện:

+ Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các phòng ban liên quan... kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; xác định số tiền được hỗ trợ; trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kinh phí hỗ trợ (trong thời gian 07 ngày làm việc).

+ Chuyển kinh phí hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện (trong thời gian 07 ngày làm việc).

- Ủy ban nhân dân cấp xã: Căn cứ quyết định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chi trả tiền hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ (thực hiện trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ).

4. Giám sát, kiểm tra đầu tư, bồi hoàn khi thực hiện không đúng quy định

4.1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức giám sát, kiểm tra sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất, vốn hỗ trợ đầu tư và việc cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

4.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi tổ chức, hộ gia đình... sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất, vốn hỗ trợ đầu tư không đúng mục đích; kinh phí thu hồi về ngân sách của huyện để hỗ trợ sản xuất hàng hóa theo chính sách của tỉnh trên địa bàn huyện.

5. Quyết toán kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ đầu tư thực hiện lập, thẩm định và tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành theo Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hướng dẫn này.

- Ban hành Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất theo thẩm quyền.

- Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện cơ chế, chính sách.

- Chủ trì tổng hợp và phối hợp với các ngành liên quan giải quyết những vướng mắc và đề nghị sửa đổi những nội dung chưa phù hợp.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì tổng hợp kế hoạch, nhu cầu dự toán kinh phí hỗ trợ hằng năm của các huyện, thành phố trình cùng với kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm; theo dõi việc sử dụng kinh phí hỗ trợ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành kinh phí hỗ trợ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ đúng quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính thẩm định các đề án, dự án, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa cùng với kỳ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm. Thẩm định nội dung đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ của Sở và thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định.

4. Sở Xây dựng

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc cấp huyện trong việc hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang

- Chỉ đạo các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh phổ biến, quán triệt, tập huấn cơ chế, chính sách này đến toàn thể cán bộ, viên chức để tổ chức thực hiện; hướng dẫn lập hồ sơ vay vốn theo quy định của ngành Ngân hàng đảm bảo nhanh chóng, thuận lợi, tạo điều kiện thuận lợi để người vay vốn được vay vốn và được hưởng những ưu đãi về tín dụng theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan liên quan để triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hoá đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các Ngân hàng có liên quan thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn đảm bảo đúng mục đích và hiệu quả, đúng quy định; đồng thời thực hiện công tác báo cáo theo quy định: Báo cáo kết quả thực hiện, lập bảng kê số người vay và số tiền cho vay đối với từng nội dung cho vay (*lũy kế từ khi thực hiện đến thời điểm báo cáo và số liệu trong kỳ báo cáo*), số người còn dư nợ và số dư nợ, số tiền vay được hỗ trợ lãi suất, số tiền lãi được hỗ trợ. Đối với Ngân hàng chi nhánh cấp tỉnh đề nghị thống kê riêng từng huyện. Báo cáo tổng hợp gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (*đối với Ngân hàng chi nhánh cấp huyện*); gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (*đối với Ngân hàng chi nhánh cấp tỉnh*) theo định kỳ (*báo cáo Quý: Ngày mùng 7 của tháng đầu tiên của Quý tiếp theo; báo cáo năm: Ngày mùng 7 của tháng 01 năm kế tiếp*).

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã: Triển khai chính sách đến các hộ gia đình và các đối tượng liên quan trên địa bàn xã. Hướng dẫn các hộ gia đình thực hiện cơ chế, chính sách, tổ chức đăng ký vay vốn để sản xuất hàng hóa. Chỉ đạo cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật, cán bộ xã, thôn trực tiếp hướng dẫn cho người đăng ký vay vốn hiểu rõ về điều kiện được hỗ trợ lãi suất, tiêu chuẩn cây giống, con giống đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật (nếu có), ... phải thực hiện trong sản xuất để đảm bảo đủ điều kiện được hỗ trợ lãi suất; hướng dẫn người được vay vốn sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích, thực hiện sản xuất đúng quy trình kỹ thuật.

- Căn cứ cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hoá đối với một số cây trồng, vật nuôi của tỉnh, xây dựng các kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp chung toàn tỉnh.

- Tổ chức giám sát, thẩm định, kiểm tra sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất, vốn hỗ trợ đầu tư và việc cấp phát, thanh toán kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Quyết định thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi tổ chức, hộ gia đình sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất, vốn hỗ trợ đầu tư không đúng mục đích.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng, quản lý, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

- Hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình được hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng công trình lập hồ sơ đầu tư và thực hiện các trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch, kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa cùng thời gian xây dựng dự toán ngân sách năm kế hoạch trình phê duyệt; quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí được giao và quản lý chất lượng xây dựng các công trình được hỗ trợ đầu tư theo đúng quy định.

- Định kỳ hằng quý, năm (*báo cáo quý: Ngày mùng 10 tháng đầu tiên của quý tiếp theo; báo cáo năm: Ngày mùng 10 tháng 01 năm kế tiếp*) tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tổng hợp báo cáo chung.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tuyên truyền, triển khai chính sách đến các hộ gia đình và các đối tượng liên quan trong địa bàn xã. Tổ chức cho người có nhu cầu vay vốn đăng ký và tổng hợp nhu cầu vay vốn, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch thực hiện cơ chế, chính sách cùng kỳ xây dựng dự toán ngân sách năm kế hoạch. Tiếp nhận và thanh toán đầy đủ, chính xác, kịp thời số tiền hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng. Quyết toán theo đúng quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với tổ chức ngân hàng trong việc hướng dẫn, xác nhận hồ sơ vay vốn đáp ứng nhu cầu huy động vốn đảm bảo sản xuất của người vay vốn, kiểm tra việc sử dụng vốn vay.

- Bố trí cán bộ trực tiếp thực hiện việc tiếp nhận các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến hỗ trợ kinh phí và thực hiện các nội dung công việc hỗ trợ theo cơ chế, chính sách.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc sử dụng vốn vay có hỗ trợ lãi suất, vốn hỗ trợ đầu tư của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

8. Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương

Phối hợp với địa phương thực hiện công tác tuyên truyền chính sách hỗ trợ đầu tư giống để trồng mới mía đường trong vùng nguyên liệu. Tổ chức thực hiện trồng, chăm sóc và bao tiêu sản phẩm mía cây theo đúng hợp đồng trồng mía với

hộ gia đình; cung cấp danh sách các hộ hợp đồng trồng mía nguyên liệu làm cơ sở cho việc thâm định vay vốn, hỗ trợ lãi suất tiền vay.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn liên ngành số 1728/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN ngày 15/9/2014 và Hướng dẫn liên ngành sửa đổi, bổ sung số 1404/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN ngày 06/7/2015 của liên ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang.

Trong quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Tuyên Quang để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**



Nguyễn Đại Thành

SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Quốc Khánh

**SỞ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ**
KT. GIÁM ĐỐC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÓ GIÁM ĐỐC



Triệu Quang Huy

SỞ XÂY DỰNG
SỞ XÂY DỰNG TUYÊN QUANG
K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Luận

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CN TỈNH TUYÊN QUANG**
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đỗ Mai Hồng

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: NN&PTNT, Tài chính, KH&ĐT, Xây dựng;
- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang;
- Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Tuyên Quang;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Công ty Cổ phần mía đường Sơn Dương;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở NN&PTNT;
- Lưu: VT.

(Kèm theo Hướng dẫn số 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN
ngày 28/12/2018 của liên ngành)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

BẢN ĐĂNG KÝ NHU CẦU VAY VỐN CÓ HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)

Họ và tên người đăng ký.....
Ngày, tháng, năm sinh:; Dân tộc:
Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo)¹:..... Nơi đăng
ký hộ khẩu thường trú:
Nơi ở hiện tại:

Sau khi nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; tôi làm Bản đăng ký này đăng ký với Ủy ban nhân dân huyện.....được vay vốn có hỗ trợ lãi suất, cụ thể như sau:

- Mục đích vay vốn²:.....
- Quy mô sản xuất³:.....
- Địa điểm sản xuất⁴:.....
- Thời gian thực hiện:
- Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.....
- Thời gian vay vốn:.....

**Xác nhận của Trưởng thôn hoặc
tổ trưởng Tổ vay vốn hoặc tổ tiết kiệm**
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20....
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

¹ Ghi rõ: Hộ nghèo, hộ cận nghèo; trường hợp không phải hộ nghèo, hộ cận nghèo thì khi ghi rõ là "không phải hộ nghèo, hộ cận nghèo".

² Nêu cụ thể: Trồng mới, chăm sóc chè đặc sản; mua máy sao chè đặc sản; đầu tư giống để trồng mới cây mía; trồng mới, trồng lại, chăm sóc Cam Sành; chăn nuôi trâu sinh sản, trâu đực giống; nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi; nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo VietGAP.

³ Ghi số lượng về diện tích, số lồng và kích thước lồng nuôi; số trâu sinh sản, trâu đực giống....

⁴ Nêu địa điểm thuộc thôn (bản, tổ nhân dân), xã (phường, thị trấn).

Mẫu số 02-THĐK

(Kèm theo Hướng dẫn số 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN
ngày 28/12/2018 của liên ngành)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-VP

V/v tổng hợp nhu cầu vay vốn phát triển
sản xuất có hỗ trợ lãi suất tháng.../20....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.....

Căn cứ Bản đăng ký vay vốn để phát triển sản xuất của các hộ gia đình. Ủy ban nhân dân xã tổng hợp nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất có hỗ trợ lãi suất của các hộ gia đình trên địa bàn xã tháng/20.... như sau:

Tổng số hộ đăng ký:... hộ (trong đó:... hộ nghèo; ... hộ cận nghèo, ..hộ khác).

Tổng quy mô sản xuất:.... ha; ... con;.... lồng....

Tổng số vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất:.... triệu đồng.

(Chi tiết có biểu kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã.... kính trình Ủy ban nhân dân huyện..... xem xét và đề nghị Ngân hàng..... cho các hộ được vay vốn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

.....

Nơi nhận:

- Như trên (kính trình);
- Phòng NN và PTNT;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch;
- Phòng Lao động TB và XH;
- Lưu: VT.

Kèm theo Mẫu số 02-THĐK:

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU VAY VỐN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÓ HỖ TRỢ LÃI SUẤT

(Kèm theo văn bản số /UBND-VP ngày / / của Ủy ban nhân dân xã...)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Thuộc đối tượng	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Nơi ở hiện tại	Mục đích vay vốn	Quy mô sản xuất	Địa điểm sản xuất	Thời gian thực hiện	Tổng vốn đề nghị được vay có hỗ trợ lãi suất	Thời gian vay vốn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

Ghi chú:

(5) Đối tượng: Ghi rõ: Hộ nghèo, hộ cận nghèo; trường hợp không phải hộ nghèo, hộ cận nghèo thì ghi rõ là "hộ khác".

(8) Mục đích vay vốn để: Trồng mới, chăm sóc chè đặc sản; mua máy sao chè đặc sản; đầu tư giống để trồng mới cây mía; trồng mới, trồng lại, chăm sóc Cam Sành; chăn nuôi trâu sinh sản, trâu đực giống; nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ thủy điện, hồ thủy lợi; nuôi cá tại ao, hồ nhỏ theo VietGAP.

(9) Quy mô: Ghi số lượng về diện tích, số lồng và kích thước lồng nuôi; số trâu sinh sản, trâu đực giống....

(10) Địa điểm: Nêu địa điểm thuộc thôn (bản, tổ nhân dân), xã (phường, thị trấn).

(Kèm theo Hướng dẫn số 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN
ngày 28/12/2018 của liên ngành)

ĐƠN ĐĂNG KÝ

Thực hiện xây dựng Công trình: *xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam; cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi*
bằng nguồn vốn vay có hỗ trợ lãi suất

Căn cứ Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Hướng dẫn số... ngày 28/12/2018 của Liên ngành: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Sở Tài chính - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Xây dựng - Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang về thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định sốcủa Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy định thực hiện một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ *Đề án phát triển cây cam; Đề án phát triển cây chè đặc sản; Đề án phát triển vùng nguyên liệu mía đường; Kế hoạch phát triển đàn trâu sinh sản; Kế hoạch phát triển cá đặc sản bằng nuôi trong lồng trên sông, hồ và mô hình nuôi cá trong ao hồ nhỏ theo Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (sau đây gọi là VietGAP)*

Cá nhân (tổ chức) làm Đơn đăng ký này đăng ký với Ủy ban nhân dân huyện.....thực hiện xây dựng công trình *xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam; cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi* bằng nguồn vốn vay có hỗ trợ lãi suất với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: *Công trình: xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam; cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi*

2. Đơn vị (hộ gia đình) thực hiện đầu tư:.....

3. Mục tiêu đầu tư:.....

4. Địa điểm thực hiện:.....

5. Nội dung và quy mô đầu tư (nêu rõ diện tích; số lượng; các hạng mục đầu tư; công suất)

6. Nguồn vốn đầu tư: *Vốn vay được nhà nước hỗ trợ lãi suất tiền vay.*

7. Dự kiến tổng kinh phí đầu tư:.....; trong đó:

- Kinh phí tự huy động:.....

- Kinh phí đề nghị được vay vốn có hỗ trợ lãi xuất tiền vay:.....

8. Thời gian thực hiện đầu tư:.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(HOẶC CÁ NHÂN)**
(Ký, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 04-BC

(Kèm theo Hướng dẫn số 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN
ngày 28/12/2018 của liên ngành)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện ...

Căn cứ hướng dẫn số (Ghi tên văn bản hướng dẫn trên)

..... (Ghi tên tổ chức, cá nhân đại diện hộ gia đình) báo cáo hoàn thành
thi công xây dựng công trình (ghi tên công trình) với các nội dung sau :

1. Tên công trình:.....
2. Địa điểm xây dựng
3. Quy mô công trình: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
4. Ngày khởi công và ngày hoàn thành:.....
5. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
6. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện tổ chức kiểm tra./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu ...

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH hoặc NGƯỜI VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp
nhân (nếu có)

(Kèm theo Hướng dẫn số 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN
ngày 28/12/2018 của liên ngành)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH:

Căn cứ hướng dẫn số (Ghi tên văn bản hướng dẫn trên)

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình ... (ghi tên công trình) của (Ghi tên tổ chức, đại diện hộ gia đình);

Hôm nay, ngày... tháng năm tại (địa điểm công trình kiểm tra)

I. Thành phần: (Ghi tên thành phần tham gia)

II. Nội dung: Kiểm tra công trình hoàn thành thi công xây dựng công trình, cụ thể như sau:

1. Tên công trình:
2. Nội dung kiểm tra:
3. Nhận xét về hiện trạng chất lượng của công trình:
4. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua các nội dung đã kiểm tra.
5. Các ý kiến khác (nếu có).

III. Kết luận: Đảm bảo (hay không đảm bảo) yêu cầu về quy mô, hình thức, kết cấu công trình so với đồ án thiết kế đã được phê duyệt./.

Các thành phần tham gia ký, ghi rõ họ tên.

(Kèm theo Hướng dẫn số 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN
ngày 28/12/2018 của liên ngành)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN (HOẶC LẦN ĐẦU)

Kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng: cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi; xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam; Vườn cây chè đặc sản đầu dòng; vườn ươm sản xuất giống cây chè đặc sản; vườn ươm cây giống cây Cam Sành sạch bệnh do huyện Hàm Yên thực hiện

Kính gửi - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
- Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện (phòng Kinh tế thành phố.....)

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị

Địa chỉ doanh nghiệp/địa chỉ thường trú của cá nhân.....

(Nếu là cá nhân thì nêu thêm: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Số CMND, ngày cấp, nơi cấp)

Căn cứ Quyết định số...ngày.../.../201...của UBND huyện, thành phố.... về phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi; xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam; Vườn cây chè đặc sản đầu dòng; vườn ươm sản xuất giống cây chè đặc sản; vườn ươm cây giống cây Cam Sành sạch bệnh do huyện Hàm Yên thực hiện

Đến nay đơn vị/hộ gia đình tôi đã thực hiện xây dựng hoàn thành công trình, công trình đã được đưa vào sử dụng; đơn vị/hộ gia đình làm đơn này đề nghị UBND huyện, thành phố..... thanh toán kinh phí được hỗ trợ như sau:

1. Thời gian đầu tư xây dựng (nêu rõ từ thời gian bắt đầu thực hiện đến thời gian hoàn thành công trình đưa vào sử dụng).

2. Khối lượng các hạng mục được hoàn thành (số m² xây dựng; diện tích đầu tư; số máy móc thiết bị đã đầu tư.....).

3. Tổng kinh phí đã thực hiện đầu tư:.....; trong đó:

- Nguồn vốn tự huy động:.....

- ¹Nguồn vốn vay có hỗ trợ lãi suất theo dự toán kinh phí UBND huyện, thành phố phê duyệt:.....; trong đó:

¹ Các nội dung hỗ trợ đầu tư thì không cần phần này.

- + Số vốn tiền vay ngân hàng:.....
- + Số tiền phải trả lãi từ ngày...../...../201.. đến ngày/...../20..... (ngày làm đơn) là:.....
- Tổng số kinh phí đề nghị thanh toán:.....
- Giấy tờ liên quan kèm theo²:
- Đề nghị UBND huyện, thành phố xét duyệt./.

....Ngày.....tháng.....năm 20....
Tổ chức/cá nhân đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

² Bao gồm: Quyết định, hồ sơ phê duyệt Dự án đầu hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật; Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào hoạt động (như mẫu 05-BB).

(Kèm theo Hướng dẫn số 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN
ngày 28/12/2018 của liên ngành)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN ĐỢT.....

Kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng: *cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi; xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam*

Kính gửi - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố
- Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn
huyện (phòng Kinh tế thành phố.....)

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị

Địa chỉ doanh nghiệp/địa chỉ thường trú của cá nhân.....

(Nếu là cá nhân thì nêu thêm: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Số CMND, ngày cấp, nơi cấp)

Căn cứ Quyết định số...ngày.../.../201...của UBND huyện, thành phố.... về phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng *cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi; xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam*

Đến nay *đơn vị/hộ gia đình tôi* được UBND huyện, thành phố..... thanh toán tiền hỗ trợ lãi xuất vốn vay đầu tư xây dựng công trình xây dựng *cơ sở chế biến sản phẩm chè búp tươi; xây dựng vườn ươm giống Cam Sành sạch bệnh; xây dựng kho lạnh để bảo quản quả cam* được lần.

Nay *đơn vị/hộ gia đình* làm đơn này đề nghị UBND huyện, thành phố..... tiếp tục thanh toán lần thứ..... số kinh phí được hỗ trợ như sau:

1. Thời gian đầu tư xây dựng (nêu rõ từ thời gian bắt đầu thực hiện đến thời gian hoàn thành công trình đưa vào sử dụng).

2. Khối lượng các hạng mục được hoàn thành (số m² xây dựng; diện tích đầu tư; số máy móc thiết bị đã đầu tư.....).

3. Tổng kinh phí đã thực hiện đầu tư:.....; trong đó:

- Nguồn vốn tự huy động:.....

- Nguồn vốn vay có hỗ trợ lãi suất theo dự toán kinh phí UBND huyện, thành phố phê duyệt:.....; trong đó:

+ Số vốn tiến vay ngân hàng:.....

+ Số tiền phải trả lãi từ ngày...../...../201.... đến ngày/...../201.....
(ngày làm đơn) là:.....

- Tổng số kinh đã được hỗ trợ đến thời điểm ngày..../..../20.. (ngày được hỗ trợ lãi xuất vốn vay trước liền kề) là:.....

- Tổng số kinh phí đề nghị thanh toán lần thứ..... là:.....

- Giấy tờ liên quan kèm theo³:

Đề nghị UBND huyện, thành phố xét duyệt./.

....Ngày.....tháng.....năm 20....

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

³ Bảng kê số tiền và thời gian đã cho vay của Ngân hàng cho vay vốn đến tại thời điểm đề nghị hỗ trợ.

(Kèm theo Hướng dẫn số 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN
ngày 28/12/2018 của liên ngành)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Hỗ trợ kinh phí: bình tuyển cây chè đặc sản đầu dòng; đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất chè đặc sản, Cam Sành, nuôi cá theo VietGAP; xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp.

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.....
- Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện
(phòng Kinh tế thành phố).....

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị

Địa chỉ doanh nghiệp/địa chỉ thường trú của cá nhân.....

(Nếu là cá nhân thì nêu thêm: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Số CMND,
ngày cấp, nơi cấp)

Sau khi nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; đơn vị/hộ gia đình tôi đã thực
tôi làm đơn này đề nghị Ủy ban nhân dân xã.....tổng hợp gửi
UBND huyện xem xét hỗ trợ kinh phí để bình tuyển cây chè đặc sản đầu dòng; đánh giá và cấp Giấy
chứng nhận sản xuất chè đặc sản, Cam Sành, nuôi cá theo VietGAP; xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng, xúc tiến
thương mại, quảng bá sản phẩm hàng hóa nông nghiệp như sau:

- Địa điểm thực hiện các nội dung đầu tư (địa điểm tham gia các hội chợ, địa điểm có cây đầu dòng; địa điểm nuôi trồng được chứng nhận VietGAP...):.....
- Thời gian thực hiện các nội dung đầu tư
- Khối lượng các hạng mục đầu tư (số cây đầu dòng được bình tuyển; diện tích nuôi cá, trồng chè được cấp chứng nhận VietGAP; danh mục hàng hóa được xây dựng nhãn hiệu, chứng nhận thương hiệu.....).
- Tổng dự toán kinh phí:..... (nêu tổng dự toán và chi tiết các mục dự kiến phải chi phí).
- Tổng số kinh phí đề nghị được hỗ trợ:.....

Được phê duyệt Dự toán kinh phí để thực hiện bình tuyển cây chè đặc sản đầu dòng; đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất chè đặc sản, Cam Sành, nuôi cá theo VietGAP; xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp, **tôi (chúng tôi) xin**

cam kết:

- Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để thực hiện.
- Sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, có hiệu quả; chịu sự giám sát, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền./.

...Ngày.....tháng.....năm 20....

Xác nhận của UBND xã

(Ký, đóng dấu)

....Ngày.....tháng.....năm 20....

Người đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 09-HTCP

(Kèm theo Hướng dẫn số 2172/HDLN-NN-TC-KHĐT-XD-NHNN
ngày 28/12/2018 của liên ngành)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thanh toán kinh phí hỗ trợ: bình tuyển cây chè đặc sản đầu dòng; đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất chè đặc sản, Cam Sành, nuôi cá theo VietGAP; xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp.

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.....
- Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện (phòng Kinh tế thành phố).....

Tên tổ chức/cá nhân đề nghị

Địa chỉ doanh nghiệp/địa chỉ thường trú của cá nhân.....

(Nếu là cá nhân thì nêu thêm: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Số CMND, ngày cấp, nơi cấp)

Căn cứ Quyết định số...ngày.../.../201...của UBND huyện, thành phốvề phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ bình tuyển cây chè đặc sản đầu dòng; đánh giá và cấp Giấy chứng nhận sản xuất chè đặc sản, Cam Sành, nuôi cá theo VietGAP; xây dựng nhãn hiệu, đăng ký chất lượng, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đối với các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp,

Đến nay đơn vị/hộ gia đình tôi đã thực hiện hoàn thành nội dung được hỗ trợ; đơn vị (hộ gia đình) tôi làm đơn này đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thành phố..... thanh toán kinh phí hỗ trợ như sau:

- Địa điểm thực hiện các nội dung đầu tư (địa điểm tham gia các hội chợ; địa điểm nuôi trồng được chứng nhận VietGAP; địa điểm có cây chè được bình tuyển.....):.....

- Thời gian thực hiện các nội dung đầu tư (nêu rõ từ thời gian bắt đầu thực hiện đến thời gian hoàn thành nội dung được hỗ trợ).

- Khối lượng các hạng mục được hoàn thành (diện tích nuôi trồng được cấp chứng nhận VietGAP; số cây đầu dòng được chứng nhận; danh mục hàng hóa được xây dựng nhãn hiệu, chứng nhận thương hiệu, trưng bày các gian hàng hội chợ...):.....

- Tổng kinh phí đã thực hiện:.....

- Tổng số kinh phí đề nghị thanh toán:.....
 - Giấy tờ liên quan kèm theo⁴:
- Đề nghị UBND huyện, thành phố xét duyệt./.

....Ngày.....tháng.....năm 20....

Tổ chức/cá nhân đề nghị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

⁴ Bao gồm: Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Bản sao công chứng các giấy chứng nhận liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ, như: Cây đầu dòng; chứng nhận đăng ký thương hiệu sản phẩm; chứng nhận chất lượng sản phẩm hàng hoá; chứng nhận ViệtGAP, bản xác nhận (Hoặc hợp đồng) thuê gian hàng...; Hóa đơn chứng từ hợp pháp, hợp lệ về chi phí thực hiện nội dung đề nghị hỗ trợ (nếu có).